

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TIỂU LUẬN MÔN HỌC
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lương Minh Hạnh

Họ và tên sinh viên: Trần Huy Hoàng

MSSV: 20194575

Mã lớp bài tập: 126354

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TIỂU LUẬN MÔN HỌC
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Điểm	Nhận xét của giảng viên

TÊN ĐỀ TÀI: Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước C.Mác

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lương Minh Hạnh

Họ và tên sinh viên: Trần Huy Hoàng

Mssv: 20194575

Mã lớp bài tập: 126354

Hà Nội, tháng 8 năm 2021

Mục lục

Phần mở đầu	5
1. Lý do chọn đề tài	5
2. Tổng quan đề tài (lịch sử nghiên cứu đề tài)	5
3. Mục đích nghiên cứu đề tài	5
4. Phạm vi nghiên cứu đề tài	5
5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài	5
6. Đóng góp của đề tài	5
7. Kết cấu của đề tài	5
Phần nội dung	7
Chương 1. Những mầm mống, khuynh hướng tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thời cổ đại và trung đại	7
1.1. Thời Cổ đại	7
1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử	7
1.1.2. Đặc điểm tư tưởng	7
1.2. Thời Trung đại	7
1.2.1. Giai đoạn thứ nhất từ thế kỷ V - X	7
1.2.2. Giai đoạn từ XI - XV	8
Chương 2. Chủ nghĩa xã hội không tưởng thời cận đại	9
2.1. Hoàn cảnh lịch sử	9
2.2. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII	9
2.2.1. Tô Mát Morơ (1478- 1535)	9
2.2.2. Tô ma đô Căm panenla (1568 - 1639)	10
2.2.3. Giêrăcđơ Uynxtenly. (1609- 1652)	11
2.3. Những đại biểu chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ XVIII	11
2.3.1. Giăng Meliê (1664- 1729)	11
2.3.2. Morely	12
2.3.3. Maboily	12
2.3.4. Babóp (1760 - 1779)	12
2.4. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán thế kỷ XIX ở Pháp và Anh	13
2.4.1. Hoàn cảnh lịch sử	13

2.4.2. Những đại biểu.....	14
2.4.2.1. Hăng ri đơ Xanh Xi Mông (1760 -1825)	14
2.4.2.2. Phu riê (1772- 1837)	15
2.4.2.3. Rôbơc Ô oen (1771 - 1858)	15
Chương 3. Những giá trị lịch sử và những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng .	16
3.1. Những giá trị	16
3.2. Những hạn chế và nguyên nhân	17
Phần kết luận	18
Danh mục tài liệu tham khảo	19

Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Chế độ sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất chủ yếu là cơ sở hiện thực của sự phân chia xã hội thành kẻ giàu, người nghèo, tình trạng không bình đẳng và nạn áp bức bóc lột giữa người và người. V.I. Lê nin viết "Đã lâu rồi, đã hàng bao thế kỷ nay, thậm chí hàng ngàn năm nay, nhân loại mong ước thủ tiêu lập tức mọi sự bóc lột" và "Xoá bỏ sự khác nhau giữa người giàu và người nghèo đó là một nguyện vọng mang tính chất xã hội chủ nghĩa". Từ thời cổ đại đến thời trung đại và cận đại, những mong ước nói trên của quần chúng nhân dân lao khổ đã được thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau. Đặc biệt, đến đầu thế kỷ XIX đã có những luận điểm và tiên đoán đặc sắc của nhiều nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán về sự ra đời của một chế độ xã hội chủ nghĩa. Tất cả những tư tưởng đó tạo thành cơ sở lý luận cho Mác và Ăngghen nghiên cứu và xây dựng nên học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học.

Để nghiên cứu, tìm hiểu thêm về vấn đề trên, nhóm chúng em chọn đề tài “Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của các trào lưu tư tưởng XHCN trước Mác” làm đề tài tiểu luận.

2. Tổng quan đề tài (lịch sử nghiên cứu đề tài)

Sau khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, những người theo xu hướng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây đã có những thay đổi về mặt nhận thức và quan điểm. Xuất phát từ thực tiễn các nước tư bản phát triển, phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế và đánh giá về chủ nghĩa xã hội hiện thực ở châu Âu những quan điểm của họ là rất đáng được quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu. Vì vậy, bài tiểu luận này chúng em sẽ tập trung tìm hiểu về các mầm mống, khuynh hướng của các tư tưởng và các trào lưu tư tưởng trước Mác.

Đã có rất nhiều bài báo, bài nghiên cứu được đăng trên các trang báo chuyên ngành về những vấn đề này.

3. Mục đích nghiên cứu đề tài

Với đề tài trên, mục đích nghiên cứu lớn nhất của đề tài là tìm hiểu và những hạn chế cũng như tích cực của các trào lưu tư tưởng trước Mác.

4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Đề tài có phạm vi nghiên cứu từ những thế kỷ cổ đại đến hiện đại của các nhà tư tưởng trước Mác.

5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Phương pháp luận: Những nguyên lý, tư tưởng của những nhà đại biểu trước Mác là phương pháp chính của đề tài.

Phương pháp riêng: bài tiểu luận còn sử dụng thêm các phương pháp như so sánh, lý luận thực tiễn, tổng kết từ thực tiễn, ... để phân tích, đánh giá vấn đề.

6. Đóng góp của đề tài

Bài tiểu luận giúp em hiểu rõ hơn về những nội dung đang học, đồng thời làm tài liệu tham khảo về sau.

7. Kết cấu của đề tài

Bài tiểu luận ngoài phần mở đầu, kết thúc và danh mục tài liệu tham khảo, bài tiểu luận còn sử dụng các nội dung chi tiết sau:

Chương 1. Những mầm mống, khuynh hướng tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thời cổ đại và trung đại.

Chương 2. Chủ nghĩa xã hội không tưởng thời cổ đại

Chương 3. Những giá trị lịch sử và những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng

Phần nội dung

Chương 1. Những mầm mống, khuynh hướng tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thời cổ đại và trung đại

1.1. Thời Cổ đại

Trong thời đại của các thị tộc nguyên thủy, tính cộng đồng về kinh tế tự nhiên và về tộc loài là đặc trưng cơ bản của đời sống tập thể. Vào thời kỳ này chưa có những cơ sở kinh tế - xã hội cho sự nảy sinh những tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Lần đầu tiên, những ước mơ về một đời sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng giữa người với người xuất hiện vào thời sơ kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ. Những ước mơ đó của quần chúng nghèo khổ vừa là sự phản kháng tiêu cực đối với xã hội bất công đương thời vừa là một hoài vọng về cuộc sống nguyên thủy.

1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

Thời kỳ cổ đại xuất hiện ở phương Đông và phương Tây ở những thời điểm khác nhau: Ở phương Đông xuất hiện 4.000- 3.000 năm TCN tại các khu vực Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ. Ở phương Tây, chế độ đó xuất hiện vào khoảng thế kỷ XI - IX TCN tiêu biểu là Hy Lạp và La Mã cổ đại

Về kinh tế: Quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ là hình thức quan hệ phát triển cao hơn so với thời cộng đồng thị tộc. Nền kinh tế chia thành các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp. Xuất hiện quan hệ hàng hoá tiền tệ.

Về mặt xã hội: Xã hội chia thành hai giai cấp rõ rệt: Chủ nô, nô lệ

Giai cấp chủ nô bao gồm: Chủ ruộng đất, Chủ công trường thủ công, Quý tộc, Tăng lữ, Bọn con buôn và cho vay nặng lãi. Tất cả các thành phần đó hợp thành lực lượng áp bức, bóc lột giai cấp nô lệ và các tầng lớp xã hội khác. Sự áp bức đó biểu hiện thông qua các chứng tích như Kim tự tháp Khê ôp, Lophêren ở Ai cập, Vạn lý trường thành, cung Aphòng, lăng tẩm Tần Thủy Hoàng ở Trung Quốc... đó vừa là những tiêu biểu cho nền kiến trúc cổ đại vừa biểu hiện cho sự áp bức, bóc lột của giai cấp chủ nô.

Xuất hiện các phong trào đấu tranh của nê chống lại chế độ xã hội đó tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Xpáctacút làm thủ lĩnh.

1.1.2. Đặc điểm tư tưởng

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa xuất hiện trong những huyền thoại. Có các đặc điểm: Thi vị hoá chế độ cộng đồng nguyên thủy. Không hài lòng với xã hội đương thời. Chưa có điều kiện, khả năng tìm ra những con đường cứu khổ, cứu nạn có hiệu quả ngay từ trong thực tế, những người nô lệ có tâm lý nhìn về quá khứ và cầu viện đến tôn giáo, song chỉ là vô vọng.

1.2. Thời Trung đại

Thời kỳ trung đại ở phương Đông bắt đầu từ thế kỷ I - II SCN tiêu biểu là ở Trung Quốc. Ở phương Tây bắt đầu từ thế kỷ V – XV.

1.2.1. Giai đoạn thứ nhất từ thế kỷ V - X

Về kinh tế: Vào thời gian đầu của thời đại này, vai trò của thành thị chưa mạnh. Quan hệ kinh tế hàng hoá - tiền tệ chưa có điều kiện phát triển rộng rãi. Đời sống nông thôn và quan hệ kinh tế gia trưởng chiếm ưu thế

Về mặt xã hội: Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ phong kiến với nông dân và thợ thủ công. Mức độ đối kháng giai cấp chưa thật gay gắt

Bởi vậy, ý thức mang tính chất xã hội chủ nghĩa của các giai cấp bên dưới cũng chưa thật sự gay gắt.

1.2.2. Giai đoạn từ XI - XV

Về kinh tế: Nền kinh tế hàng hoá - tiền tệ và thương mại dần phát triển với những mức độ khác nhau. Sản xuất thủ công từng bước được tập trung ở thành thị không còn phụ thuộc vào giai cấp phong kiến. Thị trường ngày càng mở rộng phát triển, thủ công nghiệp ngày càng rơi vào tình trạng bị tư bản thương nghiệp chi phối cả về sản xuất lẫn tiêu thụ sản phẩm. Tầng lớp " Tay trắng" ấy của cư dân thành thị hợp thành lớp người cùng quần nhất dễ phát sinh những tâm lý chống đối xã hội.

Về mặt xã hội: ở giai đoạn này tôn giáo cấu kết chặt chẽ với địa chủ phong kiến, lũng đoạn giáo dục, chống lại các tư tưởng khoa học một cách mạnh mẽ, thực hiện các cuộc chiến tranh tiêu huỷ, hoặc các cuộc thập tự chinh phát triển, nông dân đã khổ càng khổ hơn

Đặc điểm tư tưởng chủ nghĩa xã hội không tưởng:

Một là, các tập đoàn xã hội bên dưới và những trào lưu cộng sản chủ nghĩa phải phụ thuộc vào thế giới quan tôn giáo, vì hiện tại đang chiếm ưu thế tại thời điểm này.

Hai là, Nằm trong tổ chức của nền quân chủ chuyên chế, giáo hội chính thống đã trở thành kẻ chiếm hữu và bóc lột mạnh mẽ nhất, nên các tập đoàn có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa không thể không chống giáo hội về mặt giáo lý. Những người theo trào lưu cộng sản chủ nghĩa thường lấy chủ nghĩa giáo hội làm lý tưởng và xem nó là bộ máy thống trị, bóc lột.

Ba là, Chủ nghĩa cộng sản thời trung cổ nhìn chung là chủ nghĩa cộng sản tiêu dùng bình quân khổ hạnh trong phạm vi từng xã hội thu nhỏ. Trong thời đại chưa xuất hiện nền sản xuất lớn. Những tầng lớp bên dưới đi vào các phong trào xã hội với tâm lý của những người sản xuất nhỏ. Họ chưa có lý tưởng cải tạo đất nước như một tổng thể kinh tế lớn theo một kế hoạch thống nhất. Và không có chính phủ hay còn gọi là vô chính phủ

Bốn là, chủ nghĩa cộng sản trung cổ nhìn chung là thứ cộng sản hoà bình: Nhiều trào lưu tư tưởng chủ trương tiến hành thay đổi đời sống xã hội không phải bằng con đường hành động cách mạng. Đường lối ấy không hoàn toàn phù hợp với truyền thống của đạo cơ đốc giáo sơ kỳ. Đặc điểm ấy được quyết định bởi chính những tập đoàn xã hội tiêu biểu cho lý tưởng cộng sản còn quá yếu ớt, luôn mang nặng tâm lý lo sợ bị quá trình lịch sử đẩy lùi về phía sau. Họ không thể nhận thức được khả năng ngày càng tăng lên của sức mạnh bản thân như giai cấp vô sản hiện đại sau này.

Họ là những người nông dân bị phá sản, những người nông dân bị bần cùng hóa, những người vô sản lưu manh luôn cảm thấy mình bị rơi vào địa vị thấp hèn. Tâm trạng tiêu cực ấy chỉ làm mai một đi hơn là nuôi dưỡng thêm tư tưởng cách mạng của họ.

Chương 2. Chủ nghĩa xã hội không tưởng thời cận đại

2.1. Hoàn cảnh lịch sử

Thời cận đại ở Châu Âu bắt đầu từ thế kỷ XVI đến hết những năm 30 của thế kỷ XIX.

Về mặt kinh tế: Thời kỳ này xuất hiện những công trường thủ công, tiền đề cho sự ra đời của nền công nghiệp cơ khí hoá.

Về mặt xã hội: Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản xuất hiện, nhiều cuộc cách mạng dân chủ tư sản nổ ra, báo hiệu sự suy tàn và sụp đổ của chế độ quân chủ chuyên chế. Công trường thủ công mang tính chất chuyên môn hoá, thay thế tính chất hợp tác sản xuất giản đơn trong phường hội, nên sự phân hoá giai cấp bộc lộ rõ hơn và kéo theo những xung đột về lợi ích giữa tầng lớp tư sản và các tầng lớp tiền thân của của giai cấp vô sản bắt đầu hình thành. Đến thời cận đại, ở nhiều nhà xã hội chủ nghĩa, những quan điểm thần học đã nhường chỗ cho các quan điểm duy lý thế tục và cái gọi là "giang sơn ngàn năm của chúa" cũng được thay thế bằng những mô hình khác về một xã hội lý tưởng trong tương lai.

2.2. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII

2.2.1. TôMát Morơ (1478- 1535)

Những tư tưởng cơ bản của Morơ: Như Lênin đã nhận xét: “Chủ nghĩa xã hội nào cũng mang nội dung phê phán xã hội cũ”. Trong tác phẩm không tưởng của M ông đã dùng một nội dung đáng kể để phê phán chế độ quân chủ chuyên chế phản động đương thời. Ông nói "Hãy ngăn chặn hành động vơ vét của bọn nhà giàu, Hãy ngăn chặn sự độc đoán, độc quyền của bọn chúng, Hãy cho bọn chây lười ăn ít hơn, bắt chúng phải làm việc nhiều hơn".

M đặc biệt phê phán, nhấn mạnh sự ghê tởm của quá trình tích lũy tư bản ban đầu của chủ nghĩa tư bản nông dân Anh bị mất ruộng đất, lâm vào cảnh khốn cùng tha phương, cầu thực M đã khái quát hình tượng ấy bằng hình ảnh cừ ăn thịt người.

Về kinh tế: Xã hội không tưởng là một khối kinh tế thống nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất lẫn tư liệu tiêu dùng được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng. Thành phố là trung tâm tổ chức sản xuất trực tiếp. Nghị viện là cơ quan tối cao của Nhà nước tiến hành tổ chức sản xuất, kiểm kê và phân phối sản phẩm, phân bổ và điều tiết lao động. Tế bào của xã hội là gia đình làm nghề thủ công.

Qua không tưởng cho thấy, M có quan điểm đúng khi cho rằng điều cơ bản trong quan hệ xã hội là tổ chức sản xuất. Đó là sự phát triển mới của M so với các nhà tư tưởng tiền bối, đưa lên hàng đầu sự cộng đồng về phân phối và vật phẩm tiêu dùng. Ông dự kiến về việc tổ chức các nhà ăn công cộng, thừa nhận sở hữu riêng những tư liệu tiêu dùng sau khi đã được xã hội phân công, thừa nhận mỗi gia đình có nhà cửa riêng. Nhưng theo ông thái độ cá nhân chủ nghĩa đối với nhà ở và ruộng đất sẽ là nguy cơ làm lung lay chế độ công hữu. Vì vậy, M nêu nguyên tắc cứ 10 năm 1 lần nhất thiết phải phân phối lại nhà ở và vườn tược theo lối rút thăm.

M đã có bước tiến từ chủ nghĩa cộng sản tiêu dùng phát triển sản xuất, tiêu dùng được coi là trung tâm của sản xuất. M quan tâm đến mối quan hệ giữa thời gian lao động

và thời gian nghỉ ngơi, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Theo ông thời gian làm việc 6 giờ một ngày/2 ca, 8h ngủ, 10h hoạt động văn hoá.

Về chính trị xã hội: Xã hội không tưởng là xã hội có Nhà nước. Nhà nước được tổ chức ra do nhu cầu của xã hội. Tất cả các nhà chức trách được bầu ra bằng bỏ phiếu kín. Tính chất dân chủ của M không phải là phản đối chế độ quân chủ chuyên chế đương thời dùng nguyên tắc chỉ định để bổ nhiệm các chức quan từ trên xuống. Những chức năng cơ bản của Nhà nước là kiểm kê, phân phối, điều hành lao động.

Về giáo dục: Tất cả trẻ em được nuôi dưỡng từ nhỏ trong nhà trẻ. Mọi trẻ em được hưởng chế độ giáo dục chung. Đối với thanh niên giáo dục là bắt buộc. Học tập văn hoá được kết hợp với học tập nghề thủ công và nông nghiệp.

Về hôn nhân và gia đình: Nữ 18 tuổi, Nam 22 tuổi. Hôn nhân tự do, mọi người đều có quyền lựa chọn vợ chồng. Chế độ hôn nhân 1 vợ, 1 chồng và được xã hội thừa nhận. Quyền ly hôn được thừa nhận nhưng rất ít xảy ra.

Về chiến tranh và hoà bình: Ông nêu rõ quan điểm yêu hoà bình, ghét chiến tranh. Trong xã hội không có chiến tranh, bạo lực. Nhưng ông ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, chống xâm lược. Cả nam giới và nữ giới đều phải tập luyện quân sự. Giải quyết các mối quan hệ bằng sự thương lượng, khôn ngoan, thắng lợi bằng sức mạnh và sự sáng suốt.

Vấn đề về con người: Đây là vấn đề trọng tâm của tác phẩm. Theo M, trong tất cả những thứ có trên thế giới, không có gì có thể so sánh được với sinh mạng của con người, ông bênh vực những con người cụ thể, con người lao động bị áp bức, bóc lột, bị bần cùng hoá.

2.2.2. Tô ma đô Căm panenla (1568 - 1639)

Về kinh tế xã hội: Ông cho rằng xã hội phải lấy chế độ công hữu làm cơ sở, tất cả mọi của cải đều là của chung kể cả chung vợ, chung chồng. Phải xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và chế độ tư hữu nói chung vì tư hữu là nguồn gốc của mọi tệ nạn xã hội. Phải tổ chức phân công lao động xã hội, đánh giá các loại lao động xã hội khác nhau, phải chú ý lao động nữ. Mọi người đều phải lao động ngày 4h. Thời gian còn lại dành cho vui chơi, giải trí. Hình thức lao động và quản lý là tổ chức tập thể công xã. Phân phối theo chủ nghĩa bình quân, không ai giàu hơn ai, nghèo hơn ai.

Về chính trị xã hội: Cơ cấu xã hội và Nhà nước là cơ cấu lý tưởng để thực hiện bình đẳng trong xã hội và tổ chức hoạt động của xã hội một cách hài hoà, hiệu quả. Cụ thể: Người đứng đầu Nhà nước và xã hội là Linh mục (Mặt trời). Bên cạnh ông mặt trời có: Ông sức mạnh, ông sáng suốt, ông tình yêu. Tương ứng với đó là kinh tế - xã hội, khoa học giáo dục, hôn nhân và gia đình.

Dân chủ xã hội: Hàng năm tổ chức các cuộc họp của thành phố mặt trời để góp ý, phê bình trong cơ cấu Nhà nước.

Giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao: Giáo dục phổ cập từ thấp, đến cao. Chú ý chăm sóc sức khoẻ cho mọi người.

Hôn nhân, gia đình: Quy định tuổi kết hôn, tuổi sinh con. Nhưng hạn chế: Chung vợ, chung chồng (thể dục buổi sáng).

Con người được sử dụng, đào tạo, đãi ngộ thoả đáng, xây dựng mối quan hệ tự do, bình đẳng.

Tôn giáo: Linh hồn là bất tử, do vậy, sau khi chết, linh hồn rời khỏi xác liên kết với thần thiện, thần ác thường theo hạnh kiểm để xét.

2.2.3. Giêrăcđơ Uynxtenly. (1609- 1652).

Năm 1640, cách mạng tư sản ở những Anh thắng lợi. Mùa xuân năm 1649, nước cộng hoà được tuyên bố độc lập trên cơ sở phải " Nghị viện" đã thắng phái " bảo hoàng". Những thắng lợi của phái nghị viện không đem lại lợi ích cơ bản cho dân nghèo thành thị và nông thôn. Sau khi sự thống trị của chế độ cộng hoà tư sản được thiết lập, cuộc đấu tranh giữa các thế lực tư sản ôn hoà cầm quyền và các trào lưu dân chủ cấp tiến lại diễn ra. Cuộc nội chiến 10 năm làm cho dân chúng kiệt quệ. Tình hình ấy đã khơi dậy ý thức đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đang bị vô sản hoá. Trong hoàn cảnh ấy sự thức tỉnh của những tầng lớp tiền thân của giai cấp vô sản là tất yếu. Uynxtenli sinh ra trong hoàn cảnh ấy.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa:

Về kinh tế: Ông phê phán chế độ tư hữu và coi đó là nguồn gốc của mọi tội lỗi. Chủ trương xây dựng cộng đồng ruộng đất và các sản phẩm, nhưng ở trình độ sản xuất nhỏ. Chủ trương xây dựng kinh tế công xã theo kiểu vô chủ. Kinh tế gia đình là cơ sở sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, gắn với kinh tế chung của xã hội. Phân phối, kinh tế gia đình phải nộp vào kho chung. Nhà nước sẽ phân phối cho toàn xã hội theo nguyên tắc bình quân.

Về chính trị - xã hội - văn hoá: Ông tích cực đấu tranh cho một xã hội tự do, dân chủ, công bằng. Nhà nước cộng hoà phải do nhân dân bầu ra và có nhiệm kỳ một năm. Coi nhân dân là gốc của Nhà nước và xã hội, Nhà nước không cần có giáo hội, tăng lữ tham gia. Ông khẳng định chế độ cộng hoà ưu việt hơn chế độ quân chủ. Do vậy, cần phát triển chế độ cộng hoà. Đề cao giáo dục nhà trường đối với con người khi còn trẻ, đưa ra quan điểm giáo dục gắn nhà trường với thực tiễn để đem lại lợi ích cho mọi người và toàn xã hội.

Về hôn nhân và gia đình: Quy định tuổi kết hôn, và kết hôn phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội - đạo đức. Hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu, thực hiện hôn nhân một vợ, một chồng. Kiên quyết chống lại sự bạc đãi gia đình đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em.

2.3. Những đại biểu chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ XVIII

Vào thế kỷ XVII, những đại biểu CNXH không tưởng chủ yếu xuất thân ở nước Pháp.

Hoàn cảnh lịch sử nước Pháp cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII: Chế độ quân chủ suy tàn, cho nên càng tăng cường bóc lột quần chúng nhân dân lao động, đẩy nhân dân lao động vào cuộc sống cơ cực. Đối ngoại: Nước Pháp mất uy tín nghiêm trọng, báo hiệu một cuộc cách mạng sắp nổ ra, trong hoàn cảnh như vậy xuất hiện nhiều nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng.

2.3.1. Giăng Meliê (1664- 1729)

Tư tưởng cơ bản: Ông phê phán chế độ tư hữu, tôn giáo và sự phân chia xã hội thành giai cấp, lên án sự bất công, bóc lột và đòi xoá bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất. Ông cho rằng: quan hệ giữa người này với người khác, giữa nhóm người này với nhóm người khác là khách quan, bình đẳng đảm bảo cho xã hội tồn tại. Nhưng quan hệ đó đã đi quá

xa, xa đến mức mà tất cả của cải vật chất, mọi sự thoả mãn đều trở thành đặc quyền, đặc lợi của một số người. Ông cho rằng sự bất bình đẳng là do chính con người tạo ra chứ không phải do thiên nhiên ban phát. Ông viết trong những di chúc của đời tôi " tất cả chúng ta đều có một nguồn gốc sinh ra, không có ai vừa mới sinh ra đã trở thành quý ông, quý bà. Thiên nhiên sinh ra con người với tính cách là những người tương thân, tương ái, thiên nhiên sinh ra chúng ta ban đầu có chung bản chất".

Đây là tư tưởng rất tiến bộ của G, tư tưởng đó gần với của Mác khi cho rằng: "Trong tính hiện thực của nó bản chất của con người là tổng hoà mối quan hệ xã hội".

Ông quan niệm lực lượng xã hội là nông dân: Nông dân là trung tâm của đời sống chính trị - xã hội. Giải phóng nông dân không phải thuần túy chính trị mà quốc hữu hoá ruộng đất lập chế độ công hữu tài sản. Ông kêu gọi nông dân vùng lên đấu tranh vì con đường giải phóng người lao động không chỉ bằng giáo dục đức mà bằng nhiều con đường khác nhau.

Ông đưa ra tư tưởng đoàn kết, liên hợp các dân tộc - đây là hơn hẳn các tư tưởng trước đó và đương thời. Rằng giải phóng nhân dân là sự nghiệp của bản thân nhân dân lao động, ông kêu gọi mọi người, mọi dân tộc, hãy liên kết lại. Muốn giải phóng mình hãy tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc. "Số phận các người nằm chính trong tay các người, các người và con cháu các người còn đau khổ chừng nào mà các người còn chưa đoàn kết lại". Sau này Mác và Ăngghen đưa ra tư tưởng " Giai cấp vô sản hãy đoàn kết lại".

Mác và Ăngghen đánh giá: Ông là người đầu tiên của nước Pháp nêu lên tư tưởng xã hội chủ nghĩa có chứa đựng yếu tố thế giới quan vô thần, duy vật". Giảng Mêliê dự kiến một chế độ xã hội mới. Ông coi xã hội như một gia đình thống nhất. Mọi người cần phải sống hoà bình. Coi nhau như anh em. Của cải là của chung. Người tài giỏi sẽ điều khiển thành viên khác, giữ gìn của cải chung. Thành thị và cộng đồng khác nhau. Sống cách nhau, nhưng cần phải liên minh lại chăm lo cho nhau. Xã hội không như vậy thì con người sẽ đau khổ. Ông mô tả khi xã hội có chế độ công hữu thì sẽ mất hết mọi tệ nạn xã hội.

2.3.2. Morely

Tư tưởng cơ bản: Xoá bỏ chế độ tư hữu, ông cho rằng để khắc phục mọi tệ nạn xã hội đang tồn tại là làm cho mọi thứ là của chung, không có cái gì là của riêng (trừ một số vật phẩm thiết yếu).

Con đường cải tạo xã hội đương thời: Phải xoá bỏ nó, phải làm cho mọi người nhất là những người cầm quyền phải biết điều, có tổ chức, có đạo đức, hoặc thay đổi luật lệ (ông đề cao giáo dục, đề cao luật lệ). Mọi lĩnh vực đều phải có luật: luật ruộng đất, phân phối, quy hoạch thành phố, luật hôn nhân, luật khoa học... Đây là tư tưởng tiến bộ, nhưng ông quá đề cao nó- trở thành không tưởng.

2.3.3. Mably

Quan điểm của ông khá toàn diện: Xoá bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu ruộng đất. Xoá bỏ tình trạng phân chia xã hội thành giai cấp. Thực hiện lao động bắt buộc với mọi người. Thực hiện lao động theo khả năng, phân phối theo nhu cầu. Thực hiện giáo dục công dân, giáo dục toàn diện, giáo dục không mất tiền đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Nguyên tắc chỉ đạo là luân lý: đừng làm cái gì cho người khác mà mình không muốn.

2.3.4. Babóp (1760 - 1779)

Ông không chỉ là nhà lý luận mà còn là nhà tổ chức thực tiễn, ông đã đưa ra cương lĩnh chưa từng có trong lịch sử, sau này được Mác và Ăngghen đánh giá cao. Cương lĩnh của ông gồm những biện pháp được thực hiện ngay trên thực tế; Chính phủ cách mạng (của nhóm mưu sự) phải tổ chức ngay việc sản xuất bánh mỳ do Nhà nước chịu mọi phí tổn. Sau khởi nghĩa phải nắm của cải người giàu chia cho người nghèo. Trả ngay vật cầm đồ cho nhân dân. Chiếm ngay kho bạc Nhà nước, bưu điện, nhà các bộ trưởng, kho tàng Nhà nước và tư nhân chia cho nhân dân. Dùng bàn tay sắt để trấn áp kẻ thù.

Quan điểm lý luận: Ông cho rằng bình đẳng giữa con người và con người đó là bản chất của con người, phương pháp thực hiện quyền tự nhiên là giáo dục và đấu tranh. Cách mạng Pháp là vĩ đại nhưng chỉ là sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng vĩ đại hơn. Ông cho chế độ cũ là thối nát chỉ cần lực đẩy nhẹ là hất nhào (đó chính là thời cơ cách mạng).

Đưa ra mô hình xã hội mới:

Về kinh tế: Cộng đồng tài sản. Mọi người phải lao động từ 4 - 6 giờ. Sản phẩm là của chung, phân phối theo chủ nghĩa bình quân.

Văn hoá xã hội: Xã hội không có áp bức bóc lột, không có giai cấp, mọi người đều có quyền bình đẳng. Hôn nhân gia đình, quy định tuổi kết hôn, mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Lao động là điều kiện tốt nhất cho tồn tại xã hội, giáo dục con người. Chiến tranh, hoà bình, Phản đối chiến tranh xâm lược, ủng hộ chiến tranh tự vệ, xây dựng quân đội thường trực.

Theo đánh giá của Ăngghen: "Trong thế kỷ XVIII có những lý luận mang tính chất xã hội chủ nghĩa rõ rệt (môrenly, maboly) yêu cầu bình đẳng không chỉ hạn chế trong những quyền lợi chính trị, mà còn rộng ra đến cả địa vị xã hội của mỗi cá nhân, không những xoá bỏ đặc quyền giai cấp mà còn phải bỏ ngay cả sự khác biệt giai cấp".

2.4. Những đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán thế kỷ XIX ở Pháp và Anh

2.4.1. Hoàn cảnh lịch sử

Vào đầu thế kỷ XIX, xã hội thần dân được thiết lập theo những quan hệ phong kiến dần dần biến đổi thành xã hội công dân theo những quan hệ mang tính chất tư sản. Hệ tư tưởng tư sản được truyền bá như là hệ tư tưởng chính thống.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu và bắt đầu nảy sinh trong lòng nó những tiền đề trực tiếp cho sự xuất hiện những nhân tố có xu hướng phủ định nó.

Chủ nghĩa tư bản từ chỗ là một bước tiến có ý nghĩa giải phóng những người nông dân khỏi tình trạng lệ thuộc vào chúa đất, biến họ thành những người chủ tư hữu trên mảnh đất nhỏ bé của mình, thì nay chính chủ nghĩa tư bản lại bị cuốn hút vào cơn lốc cạnh tranh và đẩy hàng loạt trong số họ vào tình trạng phá sản, phải đổ xô vào thành thị để kiếm sống như những người vô sản. Sự biến đổi trong môi trường kinh tế xã hội trên đây là cơ sở cho sự biến đổi trong đời sống tinh thần xã hội trước hết trong ý thức xã hội và điều đó cũng được biểu hiện trong bước chuyển biến mới của tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào thời kỳ này.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã thể hiện sự phê phán tính hạn chế của cách mạng tư sản trên một cấp độ cao hơn về lý luận so với giai đoạn trước. Nó phân biệt rõ hơn cách

mạng chính trị là cuộc cách mạng trong kiến trúc thượng tầng, còn cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự thay đổi tận gốc rễ trong các quan hệ xã hội, trước hết là quan hệ sở hữu.

2.4.2. Những đại biểu

2.4.2.1. Hăng ri đơ Xanh Xi Mông (1760 -1825)

Tư tưởng chủ đạo: Ông thừa nhận sự phát triển của xã hội là một quá trình tiến bộ không ngừng từ thấp đến cao và ông đặt niềm tin vào sự tiến bộ đó. Theo ông chế độ nô lệ khi mới phát sinh có ý nghĩa tốt đẹp và có vai trò lịch sử của nó vì nó cứu sống hàng triệu con người, và nếu ở giai đoạn trước thì nó bị chém chết, và ở mức độ nào đó cũng tạo khả năng cho giai cấp thống trị phát triển khoa học. Chế độ phong kiến là một bước lớn, trong đó thân phận của những người nô lệ được biến đổi thành những người nông nô. Cùng với ý tưởng đó ông xem cuộc cách mạng bắt đầu từ thế kỷ XV đã làm lung lay sự sụp đổ chế độ phong kiến và đẩy lên vị trí hàng đầu trong xã hội những lực lượng mới, ông cũng cho rằng sự thay đổi trong các quan hệ sở hữu là nguyên nhân thực sự của cuộc cách mạng Pháp

Lý luận về sự phân chia giai cấp: ông cho rằng xã hội đương thời chia làm ba giai cấp. Giai cấp những nhà khoa học, nghệ sĩ và tất cả những người tán đồng tư tưởng tự do. Giai cấp những người sở hữu không thuộc giai cấp thứ nhất. Giai cấp gồm tất cả những người có tư tưởng bình đẳng

Phê phán đối với cách mạng tư sản: Ông cho rằng tai hoạ là ở chỗ cuộc cách mạng đó đã đưa giai cấp trung gian - giai cấp tư sản lên nắm chính quyền thay thế giai cấp phong kiến và giai cấp này đã lợi dụng địa vị đó để lái cuộc cách mạng đó về phía có lợi cho mình. Theo ông cuộc cách mạng tư sản Pháp không chỉ là cuộc đấu tranh giữa quý tộc và tư sản mà còn là cuộc đấu tranh giữa một bên là quý tộc và tư sản, bên kia là giai cấp những người không có của. Ăngghen cho rằng nhận xét nêu trên là rất thiên tài

Phê phán xã hội đương thời: Đó là xã hội vô chính phủ dẫn đến cuộc khủng hoảng tàn phá cơ sở của xã hội, làm cho tất cả các dân tộc phải chịu hậu quả tiêu cực. Đó là xã hội đầy rẫy những đặc quyền, đặc lợi sinh ra từ sự bất bình đẳng trong sở hữu. Đó là tình trạng xã hội lộn ngược vì người nghèo phải rộng lượng đối với người giàu, những người không có năng lực điều khiển những người có năng lực, những người vô đạo đức đòi dạy đạo đức cho người dân.

Mô hình xã hội trong tương lai: Đó là một xã hội đáp ứng được những nhu cầu vật chất và tinh thần cho nhân dân. Để làm được điều đó trước hết phải giải quyết vấn đề sở hữu, vấn đề sở hữu phải được tổ chức như thế nào để có lợi nhất cho toàn xã hội về mặt tự do và của cải. Tuy vậy, ông chưa đưa ra tư tưởng xoá bỏ chế độ tư hữu. Ông cho rằng trong xã hội mới tất cả mọi người đều phải làm việc, đều trở thành những người lao động và mọi công việc phải được phối hợp với nhau một cách có lợi trong khối liên hiệp thống nhất. Xã hội ấy trong khi tìm cách đảm bảo phúc lợi cho xã hội, sẽ phải trước hết cải thiện tình hình của giai cấp nghèo nhất, đông đảo nhất.

Trong xã hội ấy, con người được sống trong trạng thái hoà bình, vĩnh cửu, các dân tộc liên kết đảm bảo hạnh phúc chung, những nhà khoa học, những nhà công nghiệp, nghệ thuật đóng vai trò điều khiển và lãnh đạo.

Đương nhiên, chủ nghĩa xã hội của ông nêu ra trên cơ sở còn duy trì chế độ tư hữu, chưa phải là chủ nghĩa xã hội đúng như nhận thức của chúng ta ngày nay. Ăngghen

nhận xét: Xanh xi mông có tầm mắt thiên tài, nhưng chủ nghĩa của Xanhximông chỉ có thể gọi là thơ ca xã hội.

2.4.2.2. Phu riê (1772- 1837)

Tư tưởng chủ đạo: Ông phê phán và lên án xã hội tư sản một cách sâu sắc. Theo ông xã hội tư sản là trạng thái vô chính phủ của công nghiệp, trong đó người lao động được tiêu dùng quá ít, còn tầng lớp ăn bám thì được tiêu dùng quá nhiều. Ông kịch liệt phê phán tình trạng cạnh tranh diễn ra trong nền thương nghiệp mà hậu quả của nó là thị trường bị rối loạn, người lao động bị bần cùng hoá. Ông vạch trần những mâu thuẫn trong xã hội đương thời giữa hai lợi ích, lợi ích tập thể và cá nhân. Ông đấu tranh đòi đem lại quyền bình đẳng cơ bản nhất cho người nghèo đó là quyền được lao động. Phê phán đạo đức xã hội tư bản đương thời, theo ông đó là sự bất bẽ, phiền phức đối với những người nghèo, còn đối với những người giàu thì đó là những hành động che dấu những hành động tội ác.

Ông đã vạch ra bức tranh phát triển của lịch sử của xã hội loài người trải qua các giai đoạn khác nhau: Mông muội; Dã man; Gia trưởng; Văn minh. Ông quan niệm mỗi giai đoạn ấy là một nấc thang trong quá trình phát triển của xã hội loài người. Ông chia mỗi giai đoạn đó thành 4 giai đoạn nhỏ tương ứng với bốn lứa tuổi của một vòng đời: Thơ ấu; Thanh niên; Trưởng thành; Tuổi già.

Theo ông chế độ văn minh của nước Pháp và nước Anh đương thời đang ở vào giai đoạn thứ ba và đang ngã mạnh sang giai đoạn thứ tư, nhưng vì giai cấp tư sản không biết hành động như thế nào nên đã lâm vào tình trạng trì trệ nặng nề. Do đó chế độ văn minh phải chuyển sang giai đoạn cuối của nó, phải đi nốt chặng đường cuối cùng của nó để rồi vượt qua giới hạn của chính nó và bước vào thời kỳ của những đảm bảo xã hội.

Ông là người đầu tiên chỉ ra tính ưu việt của việc tổ chức làm ăn tập thể trong các hiệp hội. Hiệp hội được tổ chức dân chủ, không chịu sự kiểm soát của Nhà nước và sẽ là cơ sở để đi tới xã hội hài hoà. Hoạt động chủ yếu của hiệp hội là trồng cây lương thực, cây ăn quả, chăn nuôi. Các sản phẩm làm ra chủ yếu tiêu thụ trong các hiệp hội. Trong hiệp hội mọi người đều phải lao động. Theo ông muốn xây dựng xã hội mới cần khám phá ra quy luật vận động cơ bản của xã hội, cùng những đam mê, dục vọng của nó. Mỗi con người có những đam mê dục vọng riêng làm động lực thúc đẩy xã hội phát triển.

Quan niệm của ông về con đường và biện pháp xây dựng xã hội lý tưởng cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Một mặt ông cho rằng, trong các giai đoạn phát triển nhất định của nhân loại, cách mạng là hợp quy luật, yên tĩnh chỉ là sự tạm lắng của cách mạng, song ông lại phản đối bạo lực cách mạng và cho rằng việc quá độ lên khối liên hiệp sẽ diễn ra một cách hoà bình.

2.4.2.3. Rôbec Ô oen (1771 - 1858)

Ông đã đề xướng với chính phủ Anh luật công xưởng nhân đạo và suốt trong năm năm liền ông đã đấu tranh cho luật này. Ông đã viết nhiều tác phẩm mang tính lý luận cao. Ăngghen đã đánh giá cao công lao của ông và viết: Mọi phong trào xã hội vì lợi ích của giai cấp công nhân ở Anh đều gắn liền với tên tuổi của Oen.

Cống hiến của ông ở chỗ: Theo ông tính cách của con người được hình thành thông qua sự tác động qua lại giữa con người và môi trường bên ngoài. Ông rất quan tâm đến việc giáo dục con người nhất là thế hệ trẻ. Ông đề cao vai trò của công nghiệp, cơ khí

đối với việc tăng năng suất lao động, nhưng ông cũng nhìn thấy mặt trái của nó, với hàng loạt những tai hoạ giáng xuống xã hội, những tai hoạ này còn lớn hơn nhiều so với những lợi ích có được từ những phát minh đó. Theo ông sự tiến bộ của cách mạng khoa học và kỹ thuật là một trong nét nổi bật nhất của xã hội tương lai, đặc biệt ông nhấn mạnh máy móc chỉ có thể giải phóng con người khi sự tiến bộ về kinh tế phục vụ cho mục tiêu hợp lý - hạnh phúc của nhân loại cần lao.

Như vậy ông đã đặt lý tưởng của xã hội không chỉ trên cơ sở của triết học mà còn trên cơ sở kinh tế. Ông đã đi gần tới tư tưởng cho rằng sự phát triển của lịch sử gắn liền với những thay đổi của phương thức sản xuất. Chính điều này làm cho ông vượt hẳn những nhà xã hội không tưởng cùng thời.

Khác với hai đại biểu trước đây không nêu lên được tư tưởng xoá bỏ chế độ tư hữu, nhưng ở ông có thái độ nhất quán việc xoá bỏ chế độ tư hữu. Ông xem chế độ tư hữu, hôn nhân tư sản và tôn giáo là ba tội ác biến toàn bộ thế giới trở thành sân khấu cạnh tranh nhằm chiếm đoạt tài sản và quyền lực.

Tư tưởng về xây dựng xã hội mới: Theo ông cần phải thay chế độ tư hữu bằng chế độ công hữu. Nếu như trước đây chế độ công hữu đã từng là nhu cầu của toàn xã hội, thì ngày nay khi máy móc ra đời nó hoàn toàn không cần thiết nữa. Trong xã hội công hữu, từ người có địa vị cao nhất, đến người có địa vị thấp nhất trong xã hội đều có thể tự đảm bảo được mọi nhu cầu cần thiết và hạnh phúc của mình. Ông coi việc thủ tiêu sự khác nhau về đẳng cấp và giai cấp là điều kiện cần thiết cho sự bình đẳng xã hội. Mỗi một nhóm lứa tuổi đều được nhận một công việc hoàn toàn phù hợp với khả năng của mình. Ông xem công xã lao động là tổ chức cơ sở của xã hội mới, ở đó các thành viên sẽ sống như một gia đình.

Cũng như Xanh xi môn, và Phuriê, theo Oen chỉ có thể chuyển sang một chế độ xã hội mới bằng con đường hoà bình, theo ông chỉ có thể tuyên truyền và giải thích những chân lý cơ bản thì mới có thể hoàn thành cuộc cách mạng vĩ đại. Ông đặt nhiều hy vọng vào sự thức tỉnh của các chính phủ đang cầm quyền, ông chủ trương thuyết phục để các chính phủ đó từ bỏ con đường lầm lạc và tạo điều kiện thuận lợi để ông thực hiện những cải cách của mình.

Chương 3. Những giá trị lịch sử và những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng

3.1. Những giá trị

Chủ nghĩa xã hội không tưởng trước Mác đã có một quá trình phát triển qua nhiều thế kỷ, đặc biệt là những năm 30 của thế kỷ XIX. Nhìn chung các nhà không tưởng đều thể hiện tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, không còn chỉ là nhân đạo chủ nghĩa tư sản mà là chủ nghĩa nhân đạo ngày càng có nhiều giá trị mới đã vượt ra khỏi khuôn khổ của hệ tư tưởng tư sản.

Các nhà không tưởng với mức độ khác nhau đều mang tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đương thời. Một số nhà tư tưởng chủ nghĩa đã thể hiện tinh thần "xả thân" vì chính nghĩa, vì chân lý và tiến bộ xã hội thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Đặc biệt là ba nhà không tưởng phê phán đã để lại nhiều quan điểm tư tưởng về quá trình phát triển của lịch sử và những dự đoán tài tình về xã hội tương lai, có những mô hình đã được thể nghiệm trong thực tiễn cuộc sống, mà sau này được Mác coi là một tiền đề lý luận để hình thành chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tư tưởng của các ông đã cổ vũ tinh thần đấu tranh cho giai cấp sau này.

3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Những hạn chế: Các ông phê phán chủ nghĩa tư bản với sự thối nát, mục rỗng nhưng các ông chưa tìm ra bản chất của chủ nghĩa tư bản và quy luật vận động và phát triển của nó. Đó là bản chất giá trị thặng dư. Các ông chưa tìm ra phương pháp cách mạng đúng đắn để lật đổ chế độ tư hữu thiết lập chế độ công hữu. Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng ôn hoà để cải tạo xã hội bằng thuyết giáo, cải cách pháp luật, thực nghiệm xã hội, thậm chí hy vọng vào từ tâm của những người giàu và vào cả những người đang cầm quyền. Một số người đã thể hiện nhiệt tình cách mạng bằng hành động khởi nghĩa nhưng chưa phải là một quá trình chuẩn bị thực sự tự giác, nên nói chung đều không thể đi đến kết quả theo ước nguyện. Các ông vẽ lên những mô hình lý tưởng cho tương lai, nhưng các ông chưa tìm lực lượng để hiện thực hoá mô hình đó.

Nguyên nhân: Những trào lưu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng ra đời trong điều kiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển chưa chín muồi. Công nghiệp lớn mới được thể hiện ở nước Anh. Do đó, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản cũng chưa thật sự chín muồi và những thủ đoạn để giải quyết những mâu thuẫn đó cũng chưa xuất hiện đầy đủ.

Trong điều kiện như vậy, lý luận chủ nghĩa cộng sản cũng chưa chín muồi, thể hiện ở chỗ họ không nhận thấy ở phía giai cấp vô sản một tính chủ động lịch sử nào...

Phần kết luận

Chủ nghĩa xã hội không tưởng là một từ dùng để chỉ những làn tư tưởng xã hội hiện đại đầu tiên. Mặc dù, theo đúng nghĩa mà nói, mọi người sống tại bất kỳ một thời điểm lịch sử nào đều có thể là người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng, từ này thường được dùng nhất để chỉ những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng trong hai mươi lăm năm đầu tiên của thế kỷ 19. Từ giữa thế kỷ 19 trở đi, những nhánh khác của chủ nghĩa xã hội đã vượt trội hơn so với phiên bản không tưởng về mặt phát triển trí tuệ và số người ủng hộ.

Những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành những phong trào hiện đại cho cộng đồng định trước và các tổ chức hợp tác.

Qua bài tiểu luận, chúng em cũng phân nào nghiên cứu và tìm hiểu được về những mầm mống, tư tưởng trước Mác cũng như những hạn chế và tích cực qua các tư tưởng đó, từ đó giúp Mác hình thành nên chủ nghĩa xã hội khoa học.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác-Lênin. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.39-62.
2. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_kh%C3%B4ng_t%C6%B0%E1%BB%9Fng
3. V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb. Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr.214
4. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.